

Bản án số: 212/2024/DS-PT  
Ngày: 25 - 11 - 2024  
V/v "Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Bùi Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Lê Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Huyền Kim- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 142/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 245/2024/QĐXX-PT ngày 25 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số phúc thẩm số 116/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp 6A, xã LT, huyện L, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Vũ Thị S, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ 5, ấp 4, xã LA, huyện L, tỉnh Bình Phước (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nghiêm Thị Thu T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 4, ấp HT, xã LT, huyện L, tỉnh Bình Phước (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nghiêm Thị Thu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Kim P và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị S thống nhất trình bày:

Bà Nghiêm Thị Thu T là cháu họ của bà P. Từ năm 2022 đến nay, bà P cho bà T vay tiền nhiều lần; đến ngày 16/9/2023 bà P chốt số tiền bà T còn nợ là

600.000.000 đồng. Bà T viết giấy cam kết đến ngày 30/12/2023 sẽ trả hết số nợ nhưng bà T không thực hiện nên bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả tiền.

Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng vay tiền nên bà P yêu cầu bà T phải trả toàn bộ số tiền 600.000.000 đồng theo giấy cam kết trả nợ ký ngày 16/9/2023 và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 30/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/7/2024 là 06 tháng 29 ngày ( $600.000.000đ \times 0.833\%/tháng \times 06 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 34.833.000 \text{ đồng}$ ), tổng số tiền bà T phải trả là 634.833.000 đồng, đồng thời bà T phải chịu tiền lãi theo lãi suất 0,833%/tháng cho đến khi bà T trả hết số tiền trên.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nghiêm Thị Thu T trình bày:*

Bà T thống nhất nội dung mà bà P trình bày. Tuy nhiên, bà T vay tiền bà P từ năm 2019 chứ không phải từ năm 2022, cụ thể từ năm 2019 đến nay bà T có vay của bà P nhiều lần, mỗi lần vay từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, có lúc trả xong thì lại vay lại. Đến ngày 16/9/2023 thì bà P và bà T chốt lại số nợ gốc và lãi là 600.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và bà T có viết giấy cam kết sẽ trả nợ vào ngày 30/12/2023. Số tiền vay này bà T vay một mình không liên quan tới ông Nguyễn Văn Hạnh (chồng bà T).

Nay bà P yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả toàn bộ số tiền 600.000.000 đồng theo giấy cam kết trả nợ ngày 16/9/2023 và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm cho đến khi bà T trả hết số tiền trên thì bà T chỉ đồng ý trả số tiền gốc với số tiền mỗi tháng là 10.000.000 đồng (trả vào ngày mùng 05 hàng tháng), bà T không đồng ý trả lãi và không đồng ý chịu án phí.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước đã quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim P.

Buộc bà Nghiêm Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim P tổng số tiền là 634.833.000 đồng (*sáu trăm ba mươi bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*). Trong đó tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/12/2023 đến 29/7/2024 (ngày xét xử) là 06 tháng 29 ngày ( $600.000.000đ \times 0.833\%/tháng \times 06 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 34.833.000 \text{ đồng}$ ). Đồng thời bà T phải chịu lãi suất 0,833%/tháng cho đến khi bà T trả hết số tiền trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/8/2024 bị đơn bà Nghiêm Thị Thu T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn bà T đồng ý trả mỗi tháng 06 triệu đồng cho nguyên đơn cho đến khi hết nợ.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật; các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nghiêm Thị Thu T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất: bà T đã nhiều lần vay tiền của bà P, mỗi lần vay từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng và đến ngày 16/9/2023, bà P và bà T chốt lại số nợ gồm nợ gốc và lãi là 600.000.000 đồng, đồng thời bà T viết giấy cam kết sẽ trả nợ vào ngày 30/12/2023. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ bà T trả được nợ nên bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bà T thừa nhận có vay và đồng ý trả số tiền 600.000.000 đồng cho bà P, đây là tình tiết không phải chứng minh nên bà T phải trả cho bà P số tiền đã vay là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu yêu cầu khởi kiện của bà P buộc bà T phải trả số tiền 600.000.000 đồng theo giấy cam kết trả nợ ngày 16/9/2023 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Giấy cam kết trả nợ ngày 16/9/2023 thỏa thuận ngày trả tiền là 30/12/2023 nhưng không thỏa thuận về tiền lãi và lãi suất, do đó đây là hợp đồng vay không có lãi theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự, cụ thể: "*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*". Do đó, Tòa án sơ thẩm buộc bà T trả cho bà P số tiền lãi 34.833.000 đồng trong thời gian từ ngày 30/12/2023 đến ngày 29/7/2024 (06 tháng 29 ngày) với lãi suất 10%/năm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Bà T cho rằng bà đang gặp khó khăn nên đề nghị được trả dần với mức 6.000.000 đồng/tháng (trả vào ngày mùng 05 hàng tháng), nhưng bà P không đồng ý. Xét thấy, các bên không có thỏa thuận khác về việc trả tiền nên

cần buộc bà T phải có nghĩa vụ trả đủ tiền cho bà P theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Trường hợp bà T thật sự khó khăn, không có điều kiện thi hành án thì Cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim P là phù hợp quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nghiêm Thị Thu T, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 29/2024/DSST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

[5] Do kháng cáo của bị đơn bà Nghiêm Thị Thu T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nghiêm Thị Thu T;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim P.

Buộc bà Nghiêm Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim P số tiền 634.833.000 (sáu trăm ba mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn) đồng, trong đó có 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng tiền gốc và 34.833.000 (ba mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn) đồng tiền lãi.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nghiêm Thị Thu T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006558 ngày 04 tháng 9 năm 2024.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện L;
- TAND huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Nhum**